TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên và bà Nguyễn Thị Lựu
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 58 /2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17 ngày 18/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1990; hiện ở: Thôn N, xã LN, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nơi ĐKHKTT: Kdc NV, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị Th có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1991; địa chỉ: Kdc NV, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang H tự nguyện kết hôn, được UBND phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/12/2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được vài năm thì mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H còn mải chơi, vay nợ để chơi bời, không chăm lo gia đình, vợ con. Năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động, được một thời gian anh H có người phụ nữ khác. Đầu năm 2022, chị hết hợp đồng lao động, về nước, vợ chồng chung sống với nhau nhưng mâu thuẫn ngày càng tăng, nguyên nhân là chị gửi tiền về nuôi con nhưng anh H lấy đi trả nợ. Chủ nợ còn đến đòi, không những đòi chị mà còn đòi cả bố mẹ đẻ chị. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đã xin phép bố mẹ chồng để chị về nhà ngoại ở xã LN, Kinh

Môn ở từ trước tết âm lịch năm 2023 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21/11/2016 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng chị. Quan điểm của chị là sau khi vợ chồng ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện không cầu anh H cấp dưỡng cho con hàng tháng, còn anh H cấp dưỡng bao nhiêu là tùy anh H. Chị dạy học môn kỹ năng sống, thu nhập bình quân 5 triệu đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, anh Nguyễn Quang H trình bày: Anh và chị Phạm Thị Th tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã Kinh Môn năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, năm 2016 sinh con, con được 1 tuổi rưỡi, chị Th đòi đi nước ngoài, anh không đồng ý, nhưng chị Th cố tình đi xuất khẩu lao động vào năm 2019. Tháng 8/2022, chị Th về nước, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân cũng một phần do anh không lo được cho gia đình, có vay mấy chục triệu bên ngoài, anh sẽ có trách nhiệm trả, nhưng trong thời gian ngắn một vài tháng anh chưa thể trả được. Trong 2 tháng từ khi chị Th về nước, cứ cách vài ngày thì chị Th lại bảo anh là không chung sống được thì ly hôn đi. Chị Th có tư tưởng ly hôn anh từ khi còn lao động ở nước ngoài. Từ khi chị Th về nước đến nay, tình cảm vợ chồng luôn mâu thuẫn. Hai bên gia đình có biết việc vợ chồng mâu thuẫn, tuy nhiên, bố mẹ chị Th không động viên chị Th về đoàn tụ lại để chị Th ở bên đó và cũng không nói gì với bố mẹ đẻ anh. Chị Th cho rằng anh có người phụ nữ khác là không đúng, vì anh đi làm đương nhiên phải có bạn bè. Nay chị Th xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn vì mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng còn hay không thì không quan trọng mà phải sống vì con, tránh để con bị kỳ thị khi ra ngoài xã hội, hơn nữa con có bố, có mẹ vẫn hơn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21/11/2016, hiện đang ở cùng chị Th. Quan điểm của anh là sau khi vợ chồng ly hôn, chị Th xin trực tiếp nuôi con, anh sẽ trả lời với Tòa án sau do anh phải hỏi ý kiến bố mẹ anh vì còn liên quan đến việc trông nom và đưa cháu đi học.

- Bà Trần Thị Mật (là mẹ đẻ chị Th) được biết chị Th đang làm thủ tục ly hôn tại tòa, bà đến trình bày: Chị Th và anh Nguyễn Quang H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống, chị Th, anh H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà nắm được là do anh H không quan tâm, chăm lo gia đình, vợ con. Ông bà cũng đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th, anh H vẫn xảy ra thường xuyên. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị Th đã xin phép bố mẹ chồng về ở cùng bà ở xã LN, Kinh Môn từ trước tết âm lịch năm 2023 đến nay. Ông bà mong muốn con cái có cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên, do chị Th, anh H đã mâu thuẫn căng thẳng nên tùy anh chị quyết định. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho chị Th ly hôn anh H và chị Th được giao nuôi con, bà

sẽ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như chăm sóc con cái giúp chị Th khi chị Th đi làm.

Xác minh tại khu dân cư được biết: Anh H, chị Th kết hôn và sinh sống tại khu dân cư NV, phường A, thị xã Kinh Môn một thời gian thì chị Th đi xuất khẩu lao động. Sau khi chị Th về nước chung sống cùng anh H thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thế nào thì khu không nắm được nhưng hiện nay chị Th cùng con đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã LN, thị xã Kinh Môn sinh sống.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Th, anh H đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh H, xin tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn – anh H vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Th ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho chị Th tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21/11/2016 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh H có nơi cư trú tại phường A, thị xã Kinh Môn nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh H có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá

trình cùng chung sống, chị Th và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 âm lịch đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn thụ nhưng không thành. Chị Th vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Anh H xác định cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không quan trọng bằng việc phải chung sống để con có cả bố và mẹ. Như vậy, vợ chồng không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th ly hôn anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị Th, anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21/11/2016 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng chị Th. Nguyện vọng của chị Th muốn tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân, cháu Khánh L ở ổn định cùng chị Th và ông bà ngoại. Bà Mật tạo điều kiện chăm sóc cũng như chỗ ở cho mẹ con chị Th. Do đó, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu, cần giao cháu Khánh L cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Th có công việc và thu nhập ổn định, tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị Th là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Th, anh H đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Chị Th, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Th.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Th ly hôn anh Nguyễn Quang H.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 21/11/2016 (giới tính: Nữ), hiện đang ở cùng chị Th đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Nguyễn Quang H cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2021/0002131 ngày 20/02/2023, chị Th đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường A, thị xã Kinh Môn (số GCNKH 47 ngày 21.12.2015);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.